| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CÀNG LONG**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| **Số: 117/2019/QĐST-HNGĐ** | *Càng Long, ngày 10 tháng 5 năm 2019* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số: 130/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa:

*Nguyên đơn*: chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1986.
Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Bị đơn*: anh Võ Thanh N, sinh năm 1987.
Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ủy ban nhân dân xã P, huyện C. Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02 tháng 5 năm 2019.

## XÉT THẤY:

Khi làm đơn khởi kiện chị Trần Thị Hồng N có tranh chấp tài sản chung đối với anh Võ Thanh N. Tuy nhiên, quá trình Tòa án giải quyết chị Trần Thị Hồng N và anh Võ Thanh N đã tự nguyện thỏa thuận phân chia xong và không yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết về phần tài sản chung.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 02/5/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1**. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị Trần Thị Hồng N, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp C, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh với anh Võ Thanh N, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**2**. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: chị Trần Thị Hồng N và anh Võ Thanh N tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung tên*: Võ Kim N, sinh ngày 24/9/2015 và Võ Thùy D, sinh ngày 29/12/2017 hiện 02 con đang sống chung với chị N, tại phiên hòa giải chị N và anh N tự nguyện thỏa thuận về quyền nuôi dưỡng con như sau:

Chị Trần Thị Hồng N được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con tên Võ Kim N, sinh ngày 24/9/2015 và Võ Thùy D, sinh ngày 29/12/2017.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con, nên Toà án không xem xét.

- Về tài sản chung*:* 01 con bò mẹ trị giá 10.000.000 đồng, 01 con bò con trị giá 3.000.000 đồng hiện chị N đang quản lý, chị N xin rút lại phần yêu cầu chia tài sản, chị N và anh N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng: 01 xe mô tô hiệu Yamaha biển kiểm soát 84-K53074 do chị N đứng tên là tài sản riêng của chị N; 01 xe mô tô hiệu Exciter biển kiểm soát 84-L1475.48 là tài sản riêng của anh N, sau khi ly hôn chị N và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung*:* Mượn 01 con bò dự án Heifer của Ủy ban nhân dân xã P, huyện C. Tháng 9 năm 2019 đến hạn trả lại cho dự án 01 con bò bằng với giá trị khi mượn, đại diện Ủy ban nhân dân xã P có đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ riêng: Đối với số tiền 10.000.000 đồng chị N cho anh N mượn khi mua xe, chị N rút lại không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị N và anh N tự thỏa thuận.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: chị Trần Thị Hồng N tự nguyện nộp 150.000 đồng nhưng được trừ qua số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/ 0000633 ngày 05/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn trả lại cho chị N 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí, anh Võ Thanh N không phải chịu án phí.

Hoàn trả cho chị Trần Thị Hồng N 450.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2018/0000634 ngày 05/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*"Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa*

*thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

**Nơi nhận:**
- *VKSND huyện;*
- *Tòa án tỉnh;*
- *CCTHA huyện;*
- *UBND xã, thị trấn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

**Thẩm phán**
**(Đã ký tên và đóng dấu)**

**Lê Thị Trúc Linh**